

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ**

TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-04-2024

V/v Xin ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà PHẠM YẾN NHƯ

Hội thẩm nhân dân:

. Ông LÊ VĂN HOÀNG

. Bà NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

-Thư ký phiên tòa: Ông VŨ ĐỨC HUY – Thư ký Tòa án huyện Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông PHẠM VĂN BẢNG – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 04 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 603/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023, về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Dương Thị H**, sinh năm 1974; Trú tại: Thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1972; Trú tại: Thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà H có mặt tại phiên tòa; Ông K có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo các bản khai, đơn khởi kiện nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn K có quen biết, tìm hiểu nhau hơn một năm. Sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Hải Hưng ngày 02/01/1995. Hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại huyện A, tỉnh Hải Hưng được 10 tháng sau chuyển vào tỉnh Lâm Đồng sinh sống cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông K sống gia trưởng, tôi không có tiếng nói chung trong gia đình, ý kiến vợ con không được tôn trọng dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống không hợp nhau. Nay tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hòa giải đoàn tụ tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung Nguyễn Thị M, sinh ngày 13/3/1996; Nguyễn Thị L, sinh ngày 25/12/1997; Nguyễn Thị Thu V, sinh ngày 27/5/2002 đều đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tôi yêu cầu được nuôi 02 con chung Nguyễn Thu D, sinh ngày 20/4/2013; Nguyễn Thu S, sinh ngày 20/4/2013 cho đến ngày các con chung thành niên và không không yêu cầu ông Nguyễn Văn K cấp dưỡng nuôi con chung.

Công việc hiện nay của tôi làm nông nghiệp, thu nhập trung bình từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng và từ khi sinh hai bé sau D, S là do một mình tôi chăm sóc, kinh tế có sự hỗ trợ của các con đã thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Dương Thị H có quen biết, tìm hiểu nhau 02 năm. Sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Hải Hưng ngày 02/01/1995. Hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới tôi vào tỉnh Lâm Đồng lập nghiệp được một thời gian vợ tôi cùng vào sinh sống tại thành phố Bảo Lộc đến tháng 10 năm 2000 vợ chồng tôi chuyển lên thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng sinh sống cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do phát sinh công nợ không trả được dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống không hợp nhau. Nay bà Dương Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi không đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung Nguyễn Thị M, sinh ngày 13/3/1996; Nguyễn Thị L, sinh ngày 25/12/1997; Nguyễn Thị Thu V, sinh ngày 27/5/2002 đều đã thành niên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn 02 con chung Nguyễn Thu D, sinh ngày 20/4/2013; Nguyễn Thu S, sinh ngày 20/4/2013 thì tùy các con ở với thì do các con quyết định. Cả bố và mẹ cùng có trách nhiệm nuôi con cho đến ngày các con chung thành niên. Nếu con ở với mẹ thì tôi cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng/2 con, bắt đầu từ ngày 20.03.2024.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Dương Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Văn K; Về con chung: 03 con lớn đều đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết. Còn 02 con nhỏ Nguyễn Thu D, sinh ngày 20/4/2013; Nguyễn Thu S, sinh ngày 20/4/2013 bà H yêu cầu được nuôi 02 con cho đến ngày các con chung thành niên, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Ông K không đồng ý ly hôn; Về con chung: Đồng ý 02 con D, S ở với mẹ, ông cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng/2 con.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:**

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định; vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tại Điều 68, 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử chấp nhận cho bà Dương Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn K.

+ Về con chung: Đề nghị giao bà H nuôi 02 con Nguyễn Thu D, sinh ngày 20/4/2013; Nguyễn Thu S, sinh 20/4/2013 cho đến ngày các con chung thành niên, bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn*” giữa nguyên đơn bà Dương Thị H với bị đơn ông Nguyễn Văn K. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông K kết hôn có đăng ký kết hôn theo luật định. Theo bà H trình bày vợ chồng chung hạnh phúc đến năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông K sống gia trưởng, không có tiếng nói chung trong gia đình, ý kiến vợ con không được tôn trọng dẫn đến vợ chồng cãi

vã nhau, bất đồng quan điểm sống không hợp nhau... Quá trình giải quyết vụ án tại Toà án, ông K không đồng ý ly hôn. Bà H cương quyết ly hôn.

Xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông K tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử chấp nhận cho bà H được ly hôn ông K là phù hợp và đúng pháp luật theo Điều 51, 56 Luật HNGĐ.

- Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung Nguyễn Thị M, sinh ngày 13/3/1996; Nguyễn Thị L, sinh ngày 25/12/1997; Nguyễn Thị Thu V, sinh ngày 27/5/2002 đều đã thành niên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bà H yêu cầu được nuôi 02 con chung Nguyễn Thu D, sinh ngày 20/4/2013; Nguyễn Thu S, sinh ngày 20/4/2013 cho đến ngày các con chung thành niên; Không yêu cầu ông Nguyễn Văn K cấp dưỡng nuôi con chung. Ông K đồng ý giao bà H tiếp tục nuôi 02 con, ông cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng/2 con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đình chỉ giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung.

- Về án phí: Bà H nhận chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ. Hoàn trả 17.000.000đ tạm ứng án phí chia tài sản chung cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ vào:

- Điều 33, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Điều 27, 35, 203, 220 và điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015;
- Điều 26 Luật thi hành án Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Về nội dung: Xử

Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà Dương Thị H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn K.

2. *Về con chung:* Giao bà Dương Thị H tiếp tục nuôi 02 con chung Nguyễn Thu D, sinh ngày 20/4/2013; Nguyễn Thu S, sinh ngày 20/4/2013 cho đến ngày các con chung thành niên; Bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. *Về án phí:* Bà Dương Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng và được nhận lại 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp số 0003324 ngày 22.11.2023 của Chi cục THA Dân sự huyện Đ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THA dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bà H ông K có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAT LĐ
- VKSND H.ĐT
- UBND xã H.
- Các đương sự
- Lưu HS, lưu AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Yến Như